

THÔNG TƯ

Quy định chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên các đội thể thao Bộ Công an tham gia tập trung tập huấn, thi đấu

Căn cứ Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 21/2023/QH15, Luật số 30/2023/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 52/2024/QH15 và Luật số 86/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên các đội thể thao Bộ Công an tham gia tập trung tập huấn, thi đấu.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định đối tượng; chính sách tiền lương, chế độ dinh dưỡng; chế độ đãi ngộ đặc thù; chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương; đào tạo văn hóa, học nghề, giải quyết việc làm; chế độ bảo hiểm đối với huấn luyện viên, vận động viên các đội thể thao Bộ Công an tham gia tập trung tập huấn, thi đấu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân công an, lao động hợp đồng được triệu tập theo quyết định của cấp có thẩm quyền tham gia làm huấn luyện viên, vận động viên các đội thể thao Bộ Công an, để tập trung tập huấn, thi đấu tại các đại hội, giải thể thao trong nước và quốc tế, gồm:

a) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu Bộ Công an đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

b) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu Bộ Công an không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

2. Công an đơn vị, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II **QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH CỤ THỂ**

Điều 3. Chế độ tiền lương trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

1. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này được hưởng tiền lương, như sau:

a) Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm lương cấp bậc hàm, lương ngạch, bậc, phụ cấp cấp bậc hàm và các chế độ phụ cấp). Trường hợp trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu, huấn luyện viên, vận động viên được cấp có thẩm quyền nâng lương, chuyển ngạch, chuyển nhóm lương, nâng phụ cấp cấp bậc hàm hoặc thay đổi mức hưởng phụ cấp cao hơn (nếu có) thì thực hiện mức lương, phụ cấp mới theo quy định;

b) Được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương quy định tại điểm a khoản 1 Điều này (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với tiền lương quy định tại khoản 2 Điều này. Cách tính tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng như sau:

Đối với huấn luyện viên, vận động viên là sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, lao động hợp đồng được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tập huấn, thi đấu chia cho 26 ngày. Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên được thăng cấp bậc hàm, nâng lương, chuyển ngạch, chuyển nhóm lương, hoặc thay đổi mức hưởng phụ cấp cao hơn (nếu có) trong thời gian tập trung, tập huấn thì lấy tiền lương mới chia cho 26 ngày.

Đối với huấn luyện viên, vận động viên là hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, học viên Công an nhân dân được xác định bằng phụ cấp cấp bậc hàm của tháng trước liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tập huấn, thi đấu cộng với mức tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ chia cho 26 ngày. Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên được nâng phụ cấp cấp bậc hàm hoặc nâng mức tiền ăn cơ bản trong thời gian tập trung, tập huấn thì lấy mức phụ cấp cấp bậc hàm mới hoặc mức tiền ăn cơ bản mới để chia cho 26 ngày.

2. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư này được hưởng tiền lương theo số ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu, như sau:

a) Huấn luyện viên đội tuyển Bộ Công an: 430.000 đồng/người/ngày;

b) Huấn luyện viên đội tuyển trẻ Bộ Công an: 360.000 đồng/người/ngày;

c) Huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu Bộ Công an: 360.000 đồng/người/ngày;

d) Vận động viên đội tuyển Bộ Công an: 360.000 đồng/người/ngày;

đ) Vận động viên đội tuyển trẻ Bộ Công an: 150.000 đồng/người/ngày;

e) Vận động viên đội tuyển năng khiếu Bộ Công an: 110.000 đồng/người/ngày.

3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được hưởng tiền lương làm thêm giờ do đơn vị sử dụng chi trả cho những ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu vượt quá 26 ngày trong tháng. Khoản tiền lương làm thêm giờ được xác định bằng mức tiền trả theo ngày quy định tại khoản 2 Điều này nhân với mức tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật Lao động.

4. Khoản tiền bù chênh lệch quy định tại điểm b khoản 1 và khoản tiền lương làm thêm giờ quy định tại khoản 3 Điều này không dùng để tính đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này trong thời gian tập trung tập huấn trong nước được hưởng chế độ dinh dưỡng, như sau:

a) Đội tuyển Bộ Công an: 300.000 đồng/người/ngày;

b) Đội tuyển trẻ Bộ Công an: 250.000 đồng/người/ngày;

c) Đội tuyển năng khiếu Bộ Công an: 190.000 đồng/người/ngày;

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này trong thời gian tập trung tập huấn ở nước ngoài được hưởng chế độ dinh dưỡng hằng ngày theo thư mời hoặc hợp đồng ký kết giữa Bộ Công an với cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

3. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6, 7 Điều 37 Luật Thể dục, thể thao năm 2006, được sửa đổi, bổ sung năm 2018 được hưởng chế độ dinh dưỡng như sau:

a) Đội tuyển Bộ Công an: 400.000 đồng/người/ngày;

b) Đội tuyển trẻ Bộ Công an: 300.000 đồng/người/ngày;

c) Đội tuyển năng khiếu Bộ Công an: 300.000 đồng/người/ngày;

4. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 37 Luật Thể dục, thể thao năm 2006, được sửa đổi, bổ sung năm 2018 được hưởng mức chi chế độ dinh dưỡng theo quy định của Điều lệ tổ chức giải (không được hưởng chế độ dinh dưỡng quy định tại khoản 3 Điều này).

5. Vận động viên quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được hưởng chế độ thực phẩm chức năng phù hợp với tính chất đặc thù của từng môn thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

6. Trong thời gian tập huấn trong nước, trường hợp di chuyển đến các địa điểm khác địa điểm tập trung tập huấn để thực hiện nhiệm vụ, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được áp dụng chế độ nghỉ, đi lại theo quy định của pháp luật và Bộ Công an về chế độ công tác phí trong nước đối với cán bộ, chiến sĩ và chế độ dinh dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Trong thời gian tập huấn, thi đấu ngắn hạn tại nước ngoài, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được áp dụng hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật và Bộ Công an về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân công tác ngắn hạn ở nước ngoài và không được hưởng chế độ dinh dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này.

8. Đối tượng tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì không được thực hiện các chế độ ăn định lượng, tiền ăn cơ bản, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, chế độ dinh dưỡng khác (nếu có).

Điều 5. Chế độ đãi ngộ đặc thù và chăm sóc sức khỏe

1. Vận động viên được triệu tập vào các đội tuyển thể thao quốc gia và đạt thành tích xuất sắc được hưởng chế độ đãi ngộ đặc thù hằng tháng theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

2. Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển, đội tuyển trẻ Bộ Công an trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

3. Vận động viên quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được thực hiện chế độ chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Chế độ đào tạo văn hóa, giải quyết việc làm

1. Vận động viên quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được bảo đảm học tập văn hóa; được hưởng các ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; được hưởng chế độ ưu đãi về học nghề, giải quyết việc làm theo quy định tại các Điều 10, 11 và 12 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

2. Vận động viên đạt huy chương tại Olympic Games, ASIAD, SEA Games hoặc đạt huy chương vàng tại Đại hội Thể thao toàn quốc được xem xét tuyển chọn hoặc ưu tiên trong tuyển chọn vào Công an nhân dân.

Điều 7. Chế độ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm khi tập huấn thi đấu ở nước ngoài; chế độ ốm đau, thai sản; chế độ tại nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được hưởng các chế độ sau:

1. Tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 13 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

2. Hưởng các chế độ khi ốm đau, thai sản theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

3. Hưởng các chế độ khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

4. Được mua bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả các chế độ quy định tại Thông tư này từ nguồn ngân sách nhà nước và được bố trí trong dự toán ngân sách của Bộ Công an giao cho Công an đơn vị, địa phương; nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật:

a) Công an đơn vị, địa phương trực tiếp sử dụng huấn luyện viên, vận động viên sau khi được triệu tập tập huấn, thi đấu chi trả tiền lương quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3, chế độ dinh dưỡng quy định tại Điều 4, chế độ đãi ngộ đặc thù và chăm sóc sức khỏe quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5, học phí quy định tại Điều 6 Thông tư này, tiền đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài, chi phí khám, chữa bệnh, tai nạn, tiền trợ cấp và tiền bồi thường theo quy định cho huấn luyện viên, vận động viên đội thể thao Bộ Công an.

b) Công an đơn vị, địa phương trực tiếp sử dụng huấn luyện viên, vận động viên làm việc hoặc luyện tập, thi đấu thường xuyên trước khi được triệu tập tập huấn, thi đấu chi trả tiền lương quy định tại khoản 1 Điều 3, chế độ đãi ngộ đặc thù và chăm sóc sức khỏe quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5, học phí quy định tại Điều 6 Thông tư này, tiền đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao Bộ Công an theo quy định.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán và các quy định khác có liên quan.

3. Khuyến khích các tổ chức, đơn vị, cá nhân huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để bổ sung hỗ trợ, khuyến khích huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026. Các chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2026.

2. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2023/TT-BCA ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu và chế độ chi tiêu tài chính đối với các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân, như sau:

a) Bãi bỏ Điều 3, Điều 4;

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 5, như sau:

“Điều 5. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển Công an đơn vị, địa phương

1. Nội dung, mức chi chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu:

a) Mức chi chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung tập huấn:

Tập huấn trong nước: Là số ngày huấn luyện viên, vận động viên có mặt thực tế tập trung tập huấn theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

Tập huấn ở nước ngoài: Huấn luyện viên, vận động viên khi tập trung tập huấn ở nước ngoài được hưởng chế độ dinh dưỡng theo thư mời hoặc hợp đồng ký kết giữa Bộ Công an với cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

b) Mức chi chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung thi đấu: Tại Đại hội khỏe “Vì An ninh Tổ quốc”, hội thao, giải thi đấu các môn thể thao do Bộ Công an, Cục thi đua trực thuộc Bộ Công an tổ chức, huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển Công an đơn vị, địa phương hưởng chế độ dinh dưỡng, mức 240.000 đồng/người/ngày.”.

2. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư này được hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù trong thời gian tập trung tập huấn không quá 60 ngày đối với Đại hội khỏe “Vì An ninh Tổ quốc”; không quá 45 ngày đối với hội thao, giải thi đấu các môn thể thao do Bộ Công an tổ chức và không quá 30 ngày đối với Đại hội khỏe “Vì An ninh Tổ quốc”, hội thao, giải thi đấu các môn thể thao do Cục thi đua trực thuộc Bộ Công an tổ chức. Trường hợp bổ sung thời gian tập trung tập huấn do Ban Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao hoãn thời điểm tổ chức thi đấu thì được hưởng thêm chế độ dinh dưỡng đặc thù không quá 1/3 định mức thời gian tập trung tập huấn của hoạt động thể dục, thể thao tương ứng quy định tại Khoản này.

3. Huấn luyện viên, vận động viên là cán bộ, chiến sĩ, công nhân Công an nhân dân trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu đã hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều này thì không được thực hiện các chế độ dinh dưỡng, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, phụ cấp, bồi dưỡng đặc thù (nếu có).”

3. Những văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác thì những nội dung dẫn chiếu được điều chỉnh thực hiện theo văn bản mới.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Tổ chức cán bộ) để kịp thời hướng dẫn, giải quyết. /w/

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, V03, X01(P7).VBH (120b). w/



Đại tướng Lương Tam Quang